ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN
ĐẢNG ỦY XÃ LƯƠNG BẰNG
*
Số 107 -KH/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lương Bằng, ngày 02 tháng 10năm 2026

KẾ HOẠCH
Quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới

---

Thực hiện Kế hoạch số 113-KH/TU ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới (sau đây gọi tắt là Kết luận số 75-KL/TW), Ban Thường vụ Đảng ủy xã Lương Bằng ban hành Kế hoạch quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt sâu sắc, toàn diện và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kết luận số 75-KL/TW phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kế thừa các mục tiêu, nhiệm vụ.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và Nhân dân; xác định bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vừa là mục tiêu, vừa là nội dung cơ bản của phát triển bền vững, lấy bảo vệ sức khỏe Nhân dân và chất lượng môi trường sống làm mục tiêu hàng đầu; chuyển mạnh từ xử lý hậu quả sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm từ sớm, từ xa.

2. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, tiến độ, nguồn lực và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tổ chức thực hiện theo nguyên tắc "6 rõ": Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời hạn; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, không hình thức, không chồng chéo.

Cấp ủy, cơ quan, đơn vị nghiêm túc quán triệt phương châm phòng ngừa là chính; gắn chặt nhiệm vụ bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông thôn mới nâng cao và đô thị văn minh.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN, QUÁN TRIỆT

1. Tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về "Bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới"; làm rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu đối với mục tiêu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong thời kỳ mới. Làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, thách thức trong công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu thời gian qua; qua đó tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

2. Tập trung tuyên truyền quan điểm bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, lâu dài; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Tuyên truyền yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy ứng phó bị động sang chủ động phòng ngừa, thích ứng, lấy phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường làm trọng tâm; tăng cường khả năng dự báo, cảnh báo, phòng ngừa và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu gây ra.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong bảo vệ môi trường; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai, nguồn nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên; chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuyên truyền thực hiện phân loại chất thải, thu gom và xử lý chất thải đúng quy định; giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; khuyến khích tiêu dùng xanh, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ nguồn nước, cảnh quan và hệ sinh thái.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác động của biến đổi khí hậu; chủ động thực hiện các giải pháp thích ứng, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro thiên tai; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chuẩn bị phương án ứng phó, hạn chế thiệt hại về người, tài sản và cơ sở hạ tầng. Tăng cường tuyên truyền các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, phát triển theo hướng phát thải thấp; bảo vệ và phát triển rừng, hệ sinh thái, đa dạng sinh học; xây dựng cộng đồng có khả năng thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu.

5. Tuyên truyền các chủ trương, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; khuyến khích đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm chất thải và tái sử dụng, tái chế chất thải. Chú trọng tuyên truyền các mô hình sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường; nông nghiệp phát thải thấp; các sáng kiến, mô hình cộng đồng về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

6. Tuyên truyền làm rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát huy vai trò của Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; huy động sự tham gia tích cực của Nhân dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong xây dựng môi trường sống xanh, sạch, an toàn, bền vững.

7. Tuyên truyền việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo môi trường và biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai. Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số và các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, kiểm soát ô nhiễm và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, gương điển hình trong bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đồng thời tuyên truyền, phê phán các hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường, sử dụng lãng phí tài nguyên và thiếu trách nhiệm trước các nguy cơ do biến đổi khí hậu gây ra.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị và nâng cao nhận thức cộng đồng

Cấp ủy, chính quyền quán triệt sâu sắc Kết luận số 75-KL/TW, Nghị quyết số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này; xác định bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên; đưa mục tiêu, chỉ tiêu và kết quả thực hiện vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên.

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng chủ động, thiết thực, dễ tiếp cận; tập trung tuyên truyền phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, không xả rác bừa bãi, không tự ý đốt rác, giảm nhựa dùng một lần, hạn chế đốt rơm rạ ngoài đồng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và tiêu dùng xanh; nhân rộng các mô hình "sống xanh", kinh tế tuần hoàn và khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường.

Đưa nội dung bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào chương trình giảng dạy và hoạt động ngoại khóa trong các trường học; tích cực hưởng ứng tham gia cuộc thi nhằm phát huy vai trò xung kích của học sinh, đoàn viên.

Phát huy vai trò phản biện, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và siết chặt kỷ cương

Thực hiện nghiêm các quy định, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của xã về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ chế khuyến khích các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch, dự án xử lý chất thải, tái chế, tái sử dụng và các mô hình kinh tế tuần hoàn.

Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng gắn với trách nhiệm, nguồn lực và cơ chế kiểm tra, giám sát; xác định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu, cơ quan quản lý ngành, chính quyền và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh; bảo đảm xử lý công việc theo nguyên tắc "6 rõ".

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; tập trung vào các nguồn thải lớn, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm, khu, cụm công nghiệp, làng nghề và các lưu vực sông; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm và công khai hành vi vi phạm theo quy định. Đồng thời chủ động hướng dẫn doanh nghiệp nhận diện rủi ro, cải tiến công nghệ, vận hành ổn định công trình xử lý chất thải và tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về môi trường.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

Bảo đảm bố trí nguồn lực ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường phù hợp yêu cầu của Kết luận số 75-KL/TW và khả năng cân đối ngân sách xã; ưu tiên cho các nhiệm vụ cấp bách, xử lý điểm nóng ô nhiễm, chất thải rắn, nước thải sinh hoạt và hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu; quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

4. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống

4.1. Bảo vệ môi trường trong công nghiệp

Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên; kiểm soát chặt chẽ yêu cầu về môi trường ngay từ khâu xem xét chủ trương đầu tư, thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường. Kiên quyết từ chối tiếp nhận dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên, năng lượng, phát thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; không để phát sinh mới cơ sở sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm trong khu dân cư và ngoài khu, cụm công nghiệp không phù hợp quy hoạch.

Đánh giá, lập danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu dân cư không phù hợp quy hoạch hoặc có nguy cơ ô nhiễm, cháy nổ; xây dựng lộ trình xử lý, di dời, chuyển đổi ngành nghề hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định, ưu tiên đưa các cơ sở đủ điều kiện vào khu, cụm công nghiệp có hạ tầng bảo vệ môi trường đồng bộ.

100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn và được quản lý, vận hành đúng quy định; thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình công nghiệp xanh, khu công nghiệp sinh thái, cộng sinh công nghiệp, tái sử dụng nước thải và tận dụng chất thải làm nguyên liệu cho hoạt động sản xuất phù hợp.

Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng xanh, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời); thu hút các dự án nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất vật liệu mới, vật liệu thay thế thân thiện với môi trường.

Đối với cụm công nghiệp chưa hoàn thiện hạ tầng xử lý nước thải, xác định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư hạ tầng, lộ trình và nguồn lực để khẩn trương đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung. Trong thời gian chưa hoàn thành, các cơ sở phải có biện pháp xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn trước khi xả thải và chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Trường hợp không đủ điều kiện đầu tư, hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường thì xem xét điều chỉnh, xử lý theo quy hoạch và không tiếp tục thu hút dự án mới.

4.2. Nông thôn

Đẩy mạnh các mô hình nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn; áp dụng công nghệ đệm lót sinh học, ủ phân, biogas, chế phẩm vi sinh và các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi phù hợp; tổ chức thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý an toàn bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, buộc tiêu hủy.

Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung để phát triển chăn nuôi quy mô nhỏ và vừa gắn với bảo đảm vệ sinh môi trường; đề xuất quy hoạch khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng, xác định chính xác khối lượng, vị trí rác thải tồn đọng trên địa bàn xã; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án xử lý, phấn đấu hoàn thành xử lý toàn bộ lượng rác tồn đọng trên địa bàn xã đến hết năm 2028; đồng thời đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường đối với các bãi rác không còn phù hợp.

Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; thu gom, vận chuyển, xử lý hằng ngày, không để phát sinh điểm tập kết tự phát, rác thải tràn lan, đốt rác không đúng quy định; thí điểm và từng bước nhân rộng hình thức đấu thầu, đặt hàng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định.

4.3. Bảo vệ môi trường nước, lưu vực sông và hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải

Chỉ đạo rà soát, thống kê các tuyến sông, kênh, mương, công trình thủy lợi, nguồn thải và khu vực có nguy cơ ô nhiễm trên địa bàn xã; xây dựng phương án quản lý, bảo vệ môi trường nước và công trình thủy lợi. Phối hợp triển khai có hiệu quả các Chương trình, Đề án về đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư, ưu tiên khu vực đông dân cư; khu vực gần sông Điện Biên và sông Cửu An là khu vực có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước, hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Kiểm soát chặt chẽ nguồn thải từ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Tăng cường thu gom rác thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật; không để chất thải, nước thải chưa được xử lý xả trực tiếp ra sông, kênh, mương. Phối hợp xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, bản đồ số về nguồn thải, điểm xả thải và điểm nóng ô nhiễm. Tiếp nhận phản ánh, kiểm tra và xử lý nguồn gây ô nhiễm; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ nguồn nước, hành lang và công trình thủy lợi.

4.4. Y tế

Rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống xử lý chất thải y tế; yêu cầu các cơ sở chưa có hoặc có công trình xử lý xuống cấp khẩn trương đầu tư, nâng cấp, vận hành bảo đảm quy chuẩn; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục môi trường theo quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao và xử lý chất thải y tế, không để phát sinh nguy cơ ô nhiễm thứ cấp.

Xây dựng các trạm y tế, cơ sở khám, chữa bệnh xanh - sạch - đẹp, bảo đảm vệ sinh môi trường.

4.5. Kiểm soát bụi, khí thải và tiếng ồn

Tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030; tăng cường kiểm soát khí thải, bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động giao thông, xây dựng và các cơ sở công nghiệp, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu, quy chuẩn về môi trường không khí.

Thực hiện che chắn công trường, sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, hạn chế vật liệu rơi vãi và bụi trong quá trình thi công.

5. Phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường

Rà soát, từng bước nâng cấp hệ thống thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; bố trí, cải tạo các điểm tập kết rác bảo đảm vệ sinh môi trường, không để tồn đọng, phát sinh điểm nóng về rác thải. Đẩy mạnh phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải.

Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. Huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường; đối với các công trình vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

Tổ chức thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong sản xuất nông nghiệp, nhất là bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn; bố trí, duy trì các điểm thu gom phù hợp, không để chất thải phát tán ra đồng ruộng, sông, kênh, mương. Tăng cường quản lý chất thải chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý hạ tầng môi trường và phát huy nguồn lực xã hội hóa trong đầu tư, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

6. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

6.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản, cơ chế, chính sách

Rà soát, tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về phòng, chống thiên tai của tỉnh và Trung ương.

Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, an toàn đê điều - thủy lợi, ven sông vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xây dựng nông thôn mới, khu công nghiệp và đầu tư kết cấu hạ tầng; bảo đảm yêu cầu phòng ngừa rủi ro ngay từ khâu quy hoạch, chuẩn bị và thực hiện dự án.

6.2. Kiện toàn tổ chức, bộ máy và tăng cường năng lực quản lý thiên tai

Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã; phân công rõ trách nhiệm từng thành viên, bảo đảm cơ chế trực ban, chỉ huy, điều hành thông suốt, kịp thời trong mọi tình huống thiên tai, sự cố. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan chuyên môn, lực lượng quân sự, công an, Uỷ ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các thôn. Củng cố lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai xã; phân công nhiệm vụ, từng bước chuẩn hóa tổ chức, trang bị, chế độ hoạt động và nâng cao khả năng xử lý tình huống trong giờ đầu tại cơ sở.

6.3. Rà soát, cập nhật kế hoạch và phương án ứng phó thiên tai

Hằng năm rà soát, cập nhật Kế hoạch phòng, chống thiên tai của xã; xây dựng và hoàn thiện phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro, phương án chống úng nội đồng.

Rà soát, xác định cụ thể khu vực có nguy cơ cao, công trình xung yếu, tuyến sơ tán, địa điểm tránh trú an toàn và nhu cầu vật tư, phương tiện dự phòng theo phương châm "4 tại chỗ".

6.4. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và chuyển đổi số trong phòng, chống thiên tai

Thường xuyên cập nhật các thông tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nắng nóng, hạn hán, rét hại, sương mù; bảo đảm thông tin tuyên truyền kịp thời, nhanh chóng, chính xác đến Nhân dân.

6.5. Nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng phòng, chống thiên tai cho cộng đồng

Đổi mới công tác thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai trên hệ thống đài truyền thanh của xã, các thôn, hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội, trường học và khu dân cư; duy trì hiệu quả các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai hằng năm.

Tăng cường tập huấn, hướng dẫn kỹ năng ứng phó thiên tai cho cộng đồng và các nhóm dễ bị tổn thương, nhất là người lao động ngoài trời, trường học, cơ sở y tế và khu công nghiệp; chú trọng kỹ năng sơ tán, sơ cấp cứu, phòng tránh đuối nước và bảo đảm an toàn khi xảy ra thiên tai.

6.6. Củng cố hệ thống các công trình thủy lợi và hạ tầng phòng, chống thiên tai

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chủ động rà soát, cân đối, bố trí và huy động đa dạng các nguồn lực để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi. Chủ động lồng ghép giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong đầu tư hạ tầng giao thông, đô thị, nông nghiệp, thủy lợi, cấp nước, tiêu thoát nước và các công trình thiết yếu.

Phân định rõ trách nhiệm theo phân cấp hiện hành giữa Ủy ban nhân dân xã và đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong quản lý, duy tu, nạo vét kênh mương, xử lý điểm xung yếu, ngập úng và sự cố công trình.

6.7. Thích ứng trong sản xuất nông nghiệp, quản lý tài nguyên nước, rừng và hệ sinh thái

Rà soát, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp điều kiện khí hậu, thời tiết; sử dụng giống có khả năng chống chịu sâu bệnh, hạn, úng; áp dụng biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước, quản lý dịch hại tổng hợp, tăng sử dụng vật tư sinh học và hữu cơ; đẩy mạnh tái sử dụng nước sau xử lý và thu gom, sử dụng nước mưa phù hợp.

Đẩy mạnh phát triển các mô hình sản xuất, sơ chế, chế biến nông nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn, an toàn và bền vững; khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất, chế biến tiết kiệm tài nguyên, giảm phát sinh chất thải, sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý chất lượng, chế biến, bảo quản; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh

Thực hiện nghiêm phân loại chất thải tại nguồn; phát triển chuỗi tái chế, tái sử dụng để chất thải của ngành, cơ sở này trở thành nguyên liệu phù hợp cho ngành, cơ sở khác; thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và khu dân cư.

Khuyến khích chuyển đổi sang nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo, thiết bị tiết kiệm năng lượng; giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính; sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, hạn chế nhựa dùng một lần; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và cơ sở dữ liệu trong quản trị môi trường.

8. Hoàn thiện cơ chế chính sách và huy động nguồn lực thực hiện

Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí phân bổ cho các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải; ưu tiên các nhiệm vụ thiết yếu phát sinh trực tiếp tại cơ sở như thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và rác thải tồn đọng; xử lý điểm ô nhiễm, điểm tập kết rác; đầu tư công trình xử lý nước thải phù hợp quy mô khu dân cư; phòng, chống thiên tai và duy trì lực lượng xung kích.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện; chỉ đạo các phòng, chuyên môn triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền (***hoàn thành trước ngày 05/10/2026***); lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên bố trí, huy động nguồn lực, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

Chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã tăng cường các tin, bài viết để lan tỏa thông tin về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (*thực hiện thường xuyên, cao điểm vào Tuần lễ Quốc gia phòng chống thiên tai từ 15-22/5 hằng năm*).

2. Ban Xây dựng Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận số 75-KL/TW, Nghị quyết số 14-NQ/TU và Kế hoạch này; định hướng tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kịp thời phản ánh, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình, mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả (*thực hiện thường xuyên*).

3. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ (*thực hiện thường xuyên).*

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; Hội Liên hiệp Phụ nữ xã tích cực triển khai Kế hoạch thực hiện phong trào "Hội viên phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường. giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải. Đảm bảo 100% cán bộ các chi hội, trên 90% trở lên hộ gia đình hội viên phụ nữ được tiếp cận những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, được tuyên truyền, hướng dẫn việc phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình và đổ rác đúng quy định; được hướng dẫn và ứng dụng làm vị sinh IMO vào xử lý rác thải hữu cơ đã được phân loại. 80% trở lên hộ gia đình, hội viên phụ nữ sinh sống trên địa bàn ký cam kết thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, đổ rác đúng nơi quy định nhằm giảm lượng rác thải thải ra môi trường (*thực hiện thường xuyên).*

5. Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 75-KL/TW, Nghị quyết số 14-NQ/TU và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế để tổ chức thực hiện; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

Đề nghị các cơ quan, đơn vi triển khai thực hiện.

Nơi nhận:
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Các đồng chí UVBTV Đảng ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Các ban, phòng, ngành xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH xã;
- Các đảng ủy trực thuộc Đảng ủy;
- Lưu VPĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY XÃ LƯƠNG BẰNG
ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN

Đoàn Thị Thanh Minh